

Thân Loan Thánh nhân

DUY TÍN SAO VĂN Ý

唯信鈔文意

No. 2658

Việt dịch: Quảng Minh

DẪN NHẬP

Duy Tín Sao Văn Ý (唯信鈔文意), một quyển, do Thân Loan Thánh nhân biên soạn và được thu chép trong tập 83 của Đại chánh tạng, số 2658. Mặc dù Thân Loan Thánh nhân thường giới thiệu “Duy Tín Sao” của Thánh Giác Pháp Ấn cho các đệ tử của mình, nhưng quần chúng nông thôn thiếu học thức vẫn gặp khó khăn trong việc hiểu những chú giải kinh điển trong Duy Tín Sao. Cảm nhận được điều này, Thân Loan đã trích ra những câu quan trọng, khó hiểu, và giải thích chúng một cách đơn giản, để quần chúng hiểu được ý nghĩa thực sự của “Duy Tín Sao”, và cũng nói rõ yếu nghĩa ‘niệm Phật vãng sanh’ nằm trong tín tâm chân thật.

Về nội dung cuốn sách này, trước tiên giải thích tựa đề “Duy Tín Sao”, nói rõ ý nghĩa tha lực “Duy tín độc đạt” (唯信獨達), sau đó liệt kê mười một văn bản quan trọng để giải thích chi tiết ý nghĩa của chúng. Có năm phần chính trong sách này:

1. Bài “Tôn hiệu Như Lai rất rõ ràng” trong Ngũ Hội Pháp Sự Tán, giải thích ý nghĩa của lời nguyện thứ 17.
2. Bài “Phật kia nhân địa lập hoàng nguyện” trong Ngũ Hội Pháp Sự Tán, giải thích ý nghĩa của lời nguyện thứ 18.
3. Bài “Cực Lạc vô vi Niết bàn giới” trong Pháp Sự Tán, trình bày sự được mất của chuyên tu và tạp tu, đồng thời khuyến khích sự tu tập nhất hạnh và nhất tâm.
4. Câu “Người đủ ba tâm này ắt sanh nước kia” trong Quán Kinh, trình bày chánh nhân vãng sanh là do tín tâm.
5. Câu “Nãi chí thập niệm” trong lời nguyện thứ 18 của Đại Kinh, nói về sự không hạn định số lượng xưng danh.

Cuối cùng, ghi ra ‘lục tự tôn hiệu’ để thể hiện sự quy kính. Kèm theo là lời tái bút, giải thích sách này được viết cho những người ngu muội vô tri ở nông thôn dễ dàng đọc hiểu, và nó cũng tràn ngập tình cảm chân thành của bậc Thầy dành cho các đệ tử của mình.

San Francisco, ngày 4 tháng 10 năm 2024

Nhân tuần thất thứ tư của thân phụ

Phật tử Quảng Minh kính ghi

Nguyện đem công đức này

Trang nghiêm Phật tịnh độ

Trên đền bốn ơn nặng

Dưới cứu khổ tam đồ

Nếu có ai thấy nghe

Đều phát Bồ đề tâm

Hết một báo thân này

Đồng sanh cõi Cực Lạc.

Nam mô A Di Đà Phật

DUY TÍN SAO VĂN Ý

唯信鈔文意

No. 2658

Thân Loan Thánh Nhân soạn

(1) [Giải thích Tựa đề]

Nói về *Duy Tín Sao*:

Duy (唯), là một từ chỉ cho một sự việc, không bao gồm cả hai.

Lại nữa, *Duy*, có nghĩa là ‘một người’. *Tín* (信), là tâm không nghi ngờ, tức là tín tâm chân thật, là tâm rời xa sự hư giả. Hư, là không thật. Giả, là không chân. Nương tựa bản nguyện lực và từ bỏ tự lực, thì đó gọi là ‘*Duy tín*’.

Sao (鈔), một từ chỉ cho sự trích xuất và kết tập những gì thù thắng.

Đây là lý do được gọi là “*Duy Tín Sao*”.

Lại nữa, *Duy tín*, có nghĩa là ngoài tín tâm vào tha lực, không kết hợp với sự gì khác. *Duy tín* là chỉ tin vào Bản hoằng thệ nguyện của Đức Phật A Di Đà.

(2) [Đại sư Pháp Chiếu, câu kệ trong Ngũ Hội Pháp Sự Tán]

Như Lai tôn hiệu thậm phân minh
Thập phương thế giới phổ lưu hành
Đẫn hữu xưng danh giai đắc vãng
Quán Âm Thế Chí tự lai nghinh.¹

¹ Tịnh Độ Ngũ Hội Niệm Phật Lực Pháp Sự Nghi Tán (淨土五會念佛略法事儀讚), No. 1983, Sa môn Pháp Chiếu (747-821) thuật, tr. 477c08: “Tôn hiệu Như Lai rất rõ ràng, Mười phương thế giới lưu hành khắp, Chỉ có xưng danh đều được vãng, Quán Âm, Thế Chí tự đến rước.” (Như Lai tôn hiệu thậm phân minh, Thập phương thế giới phổ lưu hành)

Như Lai tôn hiệu thậm phân minh (如來尊號甚分明):

Như Lai, là Vô Ngại Quang Như Lai. *Tôn hiệu*, là Nam mô A Di Đà Phật. *Tôn*, là tôn quý, thù thắng. *Hiệu*, là tên gọi sau khi thành Phật. *Danh*, là tên gọi khi chưa thành Phật.

Tôn hiệu của Như Lai này là danh hiệu bất khả xưng, bất khả thuyết, bất khả tư nghị, là danh hiệu của thế nguyện đại từ đại bi, đưa tất cả chúng sanh đi đến Vô thượng đại Niết bàn. Danh hiệu của Đức Phật ấy thù thắng hơn những danh hiệu của chư Phật Như Lai, bởi vì danh hiệu chính là thế nguyện.

Thậm phân minh: Thậm, là thù thắng. *Phân*, là phân biệt. *Minh*, là minh bạch. Tất cả chúng sanh trong mười phương đều được phân biệt cứu độ và dẫn đạo; công việc của Đức Phật ấy rõ ràng là rất thù thắng.

Thập phương thế giới phổ lưu hành (十方世界普流行):

Phổ, là phổ biến, hoằng quảng, vô biên tế.

Lưu hành, rộng khắp mười phương vô số vi trần thế giới, khuyên bảo chúng sanh thực hành lời dạy của chư Phật.

Nếu các bậc thánh Đại thừa, bậc thánh Tiểu thừa, người thiện, kẻ ác, tất cả phàm phu, đều không thể đạt đến Đại Niết bàn bằng trí tuệ của tự lực, thì hình tướng Đức Phật Vô Ngại Quang là ánh sáng trí tuệ, khuyên bảo đi vào biển cả trí tuệ² của Như Lai ấy – đó là sắc thái tập hợp trí tuệ của tất cả chư Phật. Quang minh là trí tuệ. Nên biết như vậy.

Đãn hữu xưng danh giai đắc vãng (但有稱名皆得往):

Đãn hữu, là chỉ có những người chuyên xưng danh hiệu đều vãng sanh tịnh độ Cực Lạc, nên nói “xưng danh giai đắc vãng”.

hành, Đãn hữu xưng danh giai đắc vãng, Quán Âm Thế Chí tự lai nghinh. 如來尊號甚分明, 十方世界普流行, 但有稱名皆得往, 觀音勢至自來迎.) Đại sư Pháp Chiếu là vị Tổ thứ tư của Liên Tông vào đời nhà Đường, còn gọi là Ngũ Hội Pháp Sư (五會法師). Xem Giáo Hành Tín Chứng, Hành quyển, mục (35).

² Công đức của bản nguyện quảng đại sâu xa phát sinh từ trí tuệ của Đức Phật A Di Đà được ví như đại dương.

Quán Âm Thế Chí tự lai nghinh (觀音勢至自來迎):

“Nam mô A Di Đà Phật” là danh hiệu của trí tuệ. Ai tin nhận, nhớ nghĩ danh hiệu bất khả tư nghị của Đức Phật Trí Tuệ Quang này thì Bồ tát Quán Thế Âm và Bồ tát Đại Thế Chí tất phải như bóng theo hình. Đức Phật Vô Ngại Quang này được hiển thị qua Bồ tát Quán Thế Âm và Bồ tát Đại Thế Chí.

Kinh Tu Di Tây Vực³ có nói:

“Quán Âm được gọi là Bảo Ứng Thanh Bồ tát, thị hiện làm Nhật thiên tử, để soi chiếu bóng tối vô minh của chúng sanh mười phương. Thế Chí được gọi là Bảo Cát Tường Bồ tát, thị hiện làm Nguyệt thiên tử, để chiếu sáng đêm dài sanh tử, khai sáng trí tuệ của chúng sanh.”

Tự lai nghinh: *Tự*, là đích thân. Đức Phật A Di Đà cùng với vô số hóa Phật, vô số hóa Bồ tát Quán Thế Âm, vô số hóa Bồ tát Đại Thế Chí, vô lượng thánh chúng, đích thân các Ngài luôn theo sát và thủ hộ những người đã được tín tâm chân thật, bất kể thời gian hay không gian, cho nên nói là ‘tự’.

Lại nữa, *Tự*, là tự nhiên. Tự nhiên, là ‘khiến được như thế’⁴. Khiến được như thế, nghĩa là hành giả từ ban đầu không khởi lên những thứ suy lường, toan tính, thì mọi tội lỗi quá khứ, hiện tại và vị lai sẽ ‘chuyển’ thành thiện pháp. Chuyển (轉), là tội lỗi chưa tiêu mất mà trở thành thiện pháp; như các dòng sông chảy vào biển cả, liền trở thành hải triều.

Tin nguyện lực Di Đà, được công đức Như Lai, nên nói ‘khiến được như thế’. Từ ban đầu không có sự kế đặc, được các công đức, thì gọi là ‘tự nhiên’.

³ Tu Di Tứ Vực Kinh (須彌四域經). Kinh này không tồn tại, được cho là kinh ngụy nghi. Các sách An Lạc Tập, Quảng Hoàng Minh Tập, Biện Chánh Luận đều có dẫn chứng kinh này. An Lạc Tập : “Kinh Tu Di Tứ Vực có nói: ‘Thời kỳ thiên địa sơ khai, chưa có mặt trời, mặt trăng, tinh tú. Dẫu có thiên chúng trời đáp xuống đất thì họ chỉ dùng quang minh nơi cổ để tự soi sáng. Khi ấy, nhân dân sanh nhiều khổ não. Liền đó, Đức Phật A Di Đà sai hai vị Bồ tát: Một tên là Bảo Ứng Thanh, hai tên Bảo Cát Tường; đây chính là Phục Hy và Nữ Oa. Hai vị Bồ tát cùng bàn nhau lên tầng trời Phạm Thiên thứ bảy lấy bảy báu nơi ấy, rồi đến thế giới này tạo ra mặt trời, mặt trăng và hai mươi tám ngôi sao để chiếu sáng thiên hạ, định ra bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông. Khi ấy hai vị Bồ tát bảo với nhau rằng: ‘Sở dĩ nhật, nguyệt, tinh tú hai mươi tám ngôi xoay theo phía Tây là vì khắp hết thủy chư thiên và nhân dân cùng cúi lạy Đức Phật A Di Đà. Do đó, nhật, nguyệt, tinh tú đều dốc lòng hướng về ngài bèn xoay theo phương Tây.’”

⁴ Sở linh nhiên (所令然).

Người có được tín tâm chân thật vào thệ nguyện là do được nhiếp thủ và thủ hộ bởi ‘thệ nguyện nhiếp thủ bất xả’⁵, chẳng phải sự kế đặc của hành giả. Người có được tín tâm Kim cương thì được nói là ‘an trú địa vị Chánh định tự’. Do có tín tâm ấy mà tâm ‘nhớ nghĩ [danh hiệu]’ tự nhiên phát khởi.

Người phát khởi được tín tâm này cũng phát khởi được tín tâm vô thượng từ phương tiện của từ phụ Thích Ca và bi mẫu Di Đà. Đây là lợi ích của tự nhiên. Nên biết như vậy.

Lai nghinh: *Lai*, khiến cho đến được Tịnh độ; đây là hiển thị thệ nguyện “Nếu không được sanh”. Từ bỏ uế độ khiến cho đến được Báo độ chân thật, chính là hiển thị ‘Tha lực’.

Lại nữa, *Lai*, là trở về (quy). Do quy nhập nguyện hải⁶, ắt đến Đại Niết bàn, cho nên nói “Trở về kinh đô Pháp tánh”⁷.

“Kinh đô Pháp tánh” nghĩa là tự nhiên chứng ngộ pháp tánh của Như Lai. Khi chứng ngộ liền nói, “Trở về kinh đô Pháp tánh”. Ở đây cũng nói là “Chứng chân như pháp tánh”, cũng nói là “Vô vi pháp thân”, cũng nói là “Đi đến Diệt độ”, cũng nói là “Chứng pháp tánh thường lạc”, cũng gọi đó là “Đạt đến Vô thượng giác”. Người chứng ngộ pháp tánh sẽ khởi tâm đại từ đại bi, mau chóng hồi nhập biển cả sanh tử để cứu độ các hữu tình, cho nên ở đây nói “Trở về công đức Phổ

⁵ Sự “nhiếp thủ” trong “nhiếp thủ bất xả” là để bảo vệ và cứu độ chúng sanh vãng sanh thế giới Cực Lạc, từ đầu đến cuối là tuyệt đối, chắc chắn, tất nhiên, không thể có sai lầm. Nếu chúng sanh không thể được cứu độ, vãng sanh thế giới Cực Lạc và thành Phật, thì Đức Phật A Di Đà không thể thành Phật. Bây giờ Đức Phật A Di Đà đã thành Phật rồi, cho nên “nhiếp thủ bất xả” là lời nguyện thứ 18: “Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sanh ở mười phương chí tâm tin ưa, muốn sanh về nước tôi, hẳn đến mười niệm, nếu không được sanh thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.”

⁶ Nguyện hải (願海), chỉ cho 48 lời nguyện của Đức Phật A Di Đà, nhưng cũng riêng chỉ cho ba nguyện nhân tố vãng sanh: nguyện thứ 18 (chí tâm tín lạc nguyện), nguyện thứ 19 (chí tâm phát nguyện nguyện) và nguyện thứ 20 (chí tâm hồi hướng nguyện). Nguyện thứ 19 và 20 là phương tiện. Nguyện thứ 18 là chân thật. Nguyện thứ 19 là chư hành vãng sanh. Nguyện thứ 18 và 20 là niệm Phật vãng sanh. Nguyện thứ 19 và 20 là tự lực vãng sanh. Nguyện thứ 18 là tha lực vãng sanh. Hành giả thực hành nguyện thứ 19 là tà định tự, nguyện thứ 20 là bất định tự và nguyện thứ 18 là chánh định tự.

⁷ Quy pháp tánh chi đô (歸法性之都).

Hiền”⁸. Hướng đến sự lợi ích này mà gọi là ‘lai’, cho nên ở đây nói “Trở về kinh đô Pháp tánh”.

Nghinh, là ý ‘chờ đợi đón tiếp’.

Khi một người nghe bản nguyện của tuyền trạch bất tư nghị và tôn hiệu của trí tuệ vô thượng, mà không nghi ngờ dù chỉ một niệm, gọi đó là tín tâm chân thật, và nó liên quan đến Kim cương tâm. Người có được tín tâm chân thật sẽ đạt đến Đẳng chánh giác, ngang hàng với Bồ tát Bồ xứ Di Lạc, sẽ thành tựu Vô thượng giác, tức là đã xác định địa vị Chánh định tụ. Cho nên nói, tín tâm không bị phá hoại, không bị khuynh đảo, không bị tán loạn, [cứng chắc] như kim cương, chính là ý nghĩa “Tín tâm kim cương”.

Đại Kinh nói: “Nguyện sanh nước kia, liền được vãng sanh, trú Bất thối chuyển.”⁹

Nguyện sanh nước kia (願生彼國): Là sanh về quốc độ mình mong muốn.

Liền được vãng sanh (即得往生): Nếu được tín tâm thì liền vãng sanh.

Liền vãng sanh (即往生): Được hiểu là “Trú bất thối chuyển”.

⁸ Thực hành công đức Phổ Hiền xuất phát từ nguyện thứ 22: “Giả sử khi tôi thành Phật, chúng Bồ tát ở cõi nước khác sanh về nước tôi rất ráo tất cả đến bậc nhất sanh bổ xứ. Trừ người có bản nguyện tự tại hóa độ, vì chúng sanh mà mặc giáp hoàng thể chứa công đức độ tất cả, đi qua các nước Phật tu hạnh Bồ tát, cúng dường chư Phật mười phương, khai hóa hàng sa vô lượng chúng sanh khiến họ đứng nơi đạo chánh chân vô thượng, vượt hơn công hạnh của hạng tầm thường, hiện tiền tu công đức Phổ Hiền. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.” Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện: “Này thiện nam tử! Các chúng sanh kia hoặc nghe, hoặc tin nơi nguyện vương rộng lớn này, rồi thọ trì đọc tụng và giảng nói cho người nghe. Công đức của chúng sanh kia chỉ có đức Phật Thế Tôn biết, ngoài ra không ai hiểu thấu. Vì thế nên những người được nghe mười điều nguyện vương này chớ sanh lòng nghi ngờ, nên phải lãnh thọ, thọ rồi nên đọc, đọc rồi có thể tụng thuộc, tụng thuộc rồi nên gìn nhớ luôn, cho đến biên chép vì người mà giảng nói. Những người như vậy, trong một niệm tất cả hạnh nguyện đều được thành tựu, được phước vô lượng vô biên. Có thể ở trong biển khổ phiền não cứu vớt chúng sanh, khiến chúng được giải thoát, đều vãng sanh về thế giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà.” (H.T Thích Trí Tịnh dịch)

⁹ Kinh Vô Lượng Thọ, quyển hạ: “Có những chúng sanh nghe danh hiệu Đức Phật ấy, tín tâm hoan hỷ, dù chỉ một niệm chí tâm hồi hướng, nguyện sanh nước kia, liền được vãng sanh, trú Bất thối chuyển, chỉ trừ kẻ phạm tội ngũ nghịch và phỉ báng chánh pháp.” (Chư hữu chúng sanh, văn kỳ danh hiệu, tín tâm hoan hỷ, nãi chí nhất niệm chí tâm hồi hướng, nguyện sanh bỉ quốc, tức đắc vãng sanh, trú bất thối chuyển, duy trừ ngũ nghịch, phỉ báng chánh pháp. 諸有眾生, 聞其名號, 信心歡喜, 乃至一念至心迴向, 願生彼國, 即得往生, 住不退轉, 唯除五逆, 誹謗正法。)

Trú bất thoái chuyển (住不退轉): Là đã xác định nơi địa vị Chánh định tu, cũng nói là “Thành Đẳng chánh giác”, và ở đây nói là “Liên được vãng sanh”.

Liên (即), là giờ không cách hở, ngày không cách hở.

Sự “rộng khắp mười phương vô số vi trần thế giới” là dựa vào thệ nguyện thành tựu của Nhất thừa đại trí hải, tức là thệ nguyện thứ 17 trong bốn mươi tám đại nguyện của Bồ tát Pháp Tạng: “Chư Phật trong mười phương vô lượng thế giới đều tán thán xưng danh.” Sự việc “Chúng thành hộ niệm”¹⁰ được thể hiện rất rõ trong Kinh A Di Đà. Ý nghĩa “Chúng thành hộ niệm” cũng được hiển thị trong Đại Kinh qua bản nguyện ‘xưng danh’ (nguyện thứ 17) được phản ánh trong bi nguyện ‘tuyển trạch chánh nhân’ (nguyện thứ 18)¹¹.

Ý nghĩa chân thật của câu kệ này, ngôn ngữ khó diễn tả hết, nhưng suy lường có thể hiểu được. Câu kệ này là lời giải thích của thiền sư Pháp Chiếu – người được tôn xưng là “Hậu Thiện Đạo”¹². Vị Hòa thượng này được Đại sư Từ Giác¹³ tôn xưng là ‘Hòa thượng Pháp Đạo’.¹⁴ Lại nữa, Cao Tăng Truyện cũng cho

¹⁰ Chư Phật mười phương làm chứng cho lời nguyện của Đức Phật A Di Đà là không sai bằng cách đem sự thành thật của chư Phật mà nói, và chúng ta tin là tin vào sự thành thật ấy. Những ai trì niệm danh hiệu của Đức Phật A Di Đà thì được chư Phật hộ niệm, nghĩa là được sự bất thoái chuyển đối với Vô thượng bồ đề.

¹¹ Tuyển trạch bản nguyện, hiểu rộng là cả 48 nguyện, hiểu hẹp là nguyện thứ 18. Gọi là Tuyển trạch bản nguyện vì Đức Phật A Di Đà khi tu nhân đã chọn lấy những thệ nguyện thù thắng nhất của chư Phật để kết thành 48 nguyện, và ‘Niệm Phật vãng sanh’ là tinh túy, là cốt lõi của cả 48 lời nguyện. Đây là quan điểm đặc sắc của sư Pháp Nhiên, khai tổ Tịnh độ tông Nhật Bản. Nguyện thứ 18 được gọi là “Chí tâm tín lạc nguyện”, là “Niệm Phật vãng sanh nguyện”, cũng là “Thập niệm tất sanh nguyện”.

¹² Đại sư Pháp Chiếu (法照大師, 756-822) là một vị cao tăng của nhà Đường. Do sự tương đồng giữa tư tưởng và hành động của ông với Đại sư Thiện Đạo, nên ông được các thế hệ sau coi là sự tái sanh của Đại sư Thiện Đạo, và do đó được tôn xưng với danh hiệu “Hậu Thiện Đạo” (後善導). Tây Phương Lục Truyện của ngài Từ Vân nói: “Sau có đại sư Pháp Chiếu, tức là hậu thân của ngài Thiện đạo.”

¹³ Đại sư Từ Giác (慈覺大師, 794-864) là đệ tứ tổ Thiên Thai tông Nhật Bản, tọa chủ đời thứ 3 của chùa Diên Lịch. Năm 15 tuổi, ông lên núi Tỷ Duệ để học với Truyền giáo đại sư Tối Trùng. Năm 838, ông vào Trung Quốc thời nhà Đường để học với nhiều bậc thầy khác nhau về hai giáo lý Hiện Mật. Ông cũng đã lên Ngũ Đài sơn để học Ngũ Hội Niệm Phật của Đại sư Pháp Chiếu từ Hòa thượng Pháp Đạo, rồi truyền lại cho học đồ núi Tỷ Duệ. Ông đã viết hơn 100 cuốn sách, bao gồm Nhập Đường Cầu Pháp Tuần Lễ Hành Ký (入唐求法巡禮行記), Kim Cương Đảnh Kinh Sớ (金剛頂經疏), Tô Tất Địa Kinh Sớ (蘇悉地經疏), Hiển Dương Đại Giới Luận (顯揚大戒論), Chỉ Quán Tư Ký (止觀私記).

¹⁴ Hòa thượng Pháp Đạo (法道和尚) là người truyền trao Ngũ Hội Niệm Phật cho Đại sư Từ Giác. Đại sư Thừa Viễn gọi Pháp Chiếu là ‘Hòa thượng Di Đà’. Thân Loan Thánh nhân nói như vậy là do dựa trên thông thuyết được truyền lại ở núi Tỷ Duệ vào thời điểm đó. Pháp Đạo và Pháp Chiếu là hai người khác nhau.

rằng Hòa thượng Di Đà ở Lô Sơn (Pháp Chiếu) cũng là [hậu thân của] Hòa thượng Tịnh Nghiệp (Thiện Đạo). Vì là hóa thân của Hòa thượng Thiện Đạo, chùa Quang Minh, triều đại Đường, mà gọi là Hậu Thiện Đạo.

(3) [Câu kệ của Hòa thượng Từ Mẫn, xuất từ Ngũ Hội Pháp Sự Tán của Đại sư Pháp Chiếu]

Bỉ phật nhân trung lập hoằng thệ
Văn danh niệm ngã tổng nghinh lai
Bất giản bản cùng tương phú quý
Bất giản hạ trí dữ cao tài
Bất giản đa văn trì tịnh giới
Bất giản phá giới tội căn thâm
Đăn sử hồi tâm đa niệm Phật
Năng linh ngõa lịch biến thành kim.¹⁵

Bỉ phật nhân trung lập hoằng thệ (彼佛因中立弘誓):

Bỉ, là Đức Phật A Di Đà.

Nhân trung, là thời điểm [phát nguyện] của Bồ tát Pháp Tạng.

Lập hoằng thệ: *Lập*, là thiết lập, là thành lập. *Hoằng*, là hoằng quảng. *Thệ*, là thệ nguyện. *Lập hoằng thệ* là tỳ kheo Pháp Tạng hoằng phát thệ nguyện siêu thế vô thượng. *Siêu thế*, là thệ nguyện siêu thắng [thệ nguyện] của Đức Phật khác. *Siêu*, là

¹⁵ Tịnh Độ Ngũ Hội Niệm Phật Lược Pháp Sự Nghi Tán, tr. 481c06: “Phật kia nhân địa lập hoằng thệ, Nghe danh niệm Phật đều rước về, Không lựa nghèo khổ giữ giàu sang, Không chọn hạ trí cùng cao tài, Không lựa đa văn, trì tịnh giới, Không chọn phá giới tội căn sâu, Chỉ cần hồi tâm, niệm Phật nhiều, Gạch ngói có thể biến thành vàng.” *Bỉ phật nhân trung lập hoằng thệ, Văn danh niệm ngã tổng nghinh lai, Bất giản bản cùng tương phú quý, Bất giản hạ trí dữ cao tài, Bất giản đa văn trì tịnh giới, Bất giản phá giới tội căn thâm, Đăn sử hồi tâm đa niệm Phật, Năng linh ngõa lịch biến thành kim.* (彼佛因中立弘誓, 聞名念我總迎來, 不簡貧窮將富貴, 不簡下智與高才, 不簡多聞持淨戒, 不簡破戒罪根深, 但使回心多念佛, 能令瓦礫變成金.)

siêu việt, vô thượng. Sự việc ‘Nhu Lai phát hồng thệ’ được thuyết minh tường tận trong Duy Tín Sao.

Văn danh niệm ngã: *Văn*, là lắng nghe; hiển thị tín tâm vào giáo pháp. *Danh*, là danh hiệu mà Như Lai phát thệ nguyện. *Niệm ngã*, là khiến cho ức niệm (nhớ nghĩ) danh hiệu ấy, nó hiển thị nơi bi nguyện “Chư Phật xưng danh”¹⁶. Ưc niệm, là người có tín tâm chân thật thì tâm thường ức niệm bản nguyện không ngưng dứt.

Tổng lai nghinh: *Tổng*, là tất cả, hết thảy. *Nghinh*, là nghinh tiếp, chờ đợi, biểu thị cho ‘tha lực’. *Lai*, là trở về, đi đến, khát khao “trở về kinh đô Pháp tánh”. Vì lợi ích chúng sanh, từ kinh đô Pháp tánh đi đến thế giới Ta Bà, nên nói là ‘lai’. Đại Kinh nói: “Tùng Như Lai sanh”¹⁷. *Tùng như*, là ‘từ chân như’. *Lai sanh*, là ‘đến mà sanh’.

Bất giản bản cùng tương phú quý (不簡貧窮將富貴): *Bất giản*, là không lựa chọn, không ghét bỏ. *Bản cùng*, là thiếu thốn không đủ. *Tương*, là giữ gìn, cầm nắm. *Phú quý*, là của cải dồi dào, địa vị cao quý. Chúng ta không thể lựa chọn, nắm giữ những thứ này trước khi vắng sanh Tịnh độ.

Bất giản hạ trí dữ cao tài (不簡下智與高才): *Hạ trí*, là trí tuệ nông cạn, hẹp hòi hoặc nhỏ bé. *Cao tài*, là người có tài học quảng bác. Chúng ta không thể lựa chọn những điều này.

Bất giản đa văn trì tịnh giới (不簡多聞持淨戒): *Đa văn*, là nghe nhiều rộng và tin nhận Thánh giáo. *Trì*, là nắm giữ; nắm giữ thì những gì học tập không quên, không mất. *Tịnh giới*, là các giới phẩm của Đại thừa và Tiểu thừa, ngũ giới, bát giới, thập thiện giới; là cụ túc giới của Tiểu thừa, ba ngàn uy nghi, sáu muôn tế hạnh; là giới pháp nhất tâm kim cương của Nhất thừa, tam tụ tịnh giới, năm mươi

¹⁶ Nguyện thứ mười bảy: “Giả sử khi tôi thành Phật, mười phương vô lượng chư Phật chẳng đều ngợi khen xưng tụng danh hiệu của tôi thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác”, được gọi là “Chư Phật xưng dương nguyện”, “Chư Phật xưng danh nguyện”, “Chư Phật tư ta nguyện”, “Vãng tướng hồi hướng nguyện”, cũng là “Tuyển trạch xưng danh nguyện”.

¹⁷ Kinh Vô Lượng Thọ, quyển hạ: “Từ Như Lai sanh, hiểu pháp như như.” (Tùng Như Lai sanh, giải pháp như như. 從如來生, 解法如如.)

tám giới của Kinh Phạm Võng, bao nhiêu giới phảm đạo tục; hộ trì những tịnh giới ấy gọi là ‘trì’, phá hủy những giới phảm ấy gọi là ‘phá’. Người hộ trì những loại giới phảm lớn nhỏ như thế, và sau khi họ phát khởi tín tâm chân thật vào tha lực, mới được vãng sanh Báo độ chân thật. Nên biết như vậy.

Bất giản phá giới tội căn thâm (不簡破戒罪根深): *Phá giới*: Người đã thọ những giới phảm đạo tục khác nhau nêu trên mà phá phạm; nhưng [Đức Phật A Di Đà] không chê những người ấy. *Tội căn thâm*: Kẻ ác ‘thập ác’, ‘ngũ nghịch’; tội nhân ‘báng pháp’, ‘xiển đề’; người thiện căn ít, kẻ ác nghiệp nhiều, người thiện tâm mỏng, kẻ ác tâm sâu; những người có đủ tội nghiệp sâu dày, hèn mọn như thế, gọi đó là ‘thâm’. Tất cả người hiền, kẻ ác, người tôn quý, kẻ ti tiện đều không bị kén chọn trong thệ nguyện của Đức Phật Vô Ngại Quang, thệ nguyện mà chủ ý là dẫn đạo trước hết những người này. Ý nghĩa thực sự của Tịnh độ Chân tông là “Người có được tín tâm chân thật thì sanh về Báo độ chân thật”¹⁸, nên biết như vậy.

Đẫn sử hồi tâm đa niệm Phật (但使回心多念佛): *Đẫn sử hồi tâm*: Nghĩa là hoàn toàn làm cho ‘hồi tâm’ một ai đó. *Hồi tâm*: Là dịch chuyển, xả bỏ tâm chí ‘tự lực’. Người vãng sanh Báo độ chân thật thì chắc chắn tâm người ấy được Đức Phật Vô Ngại Quang nhiếp thủ, thành tựu tín tâm Kim cương, cho nên nói là ‘*đa niệm Phật*’. *Đa*, là ý của đại, thắng và tăng thượng. *Đại*, là lớn lao, cao cả. *Thắng*, là thắng hơn vạn thiện. *Tăng thượng*, là siêu việt vạn thiện. Đây là lý do ‘tha lực bản nguyện’¹⁹ là vô thượng. *Xả bỏ tâm chí tự lực*, có nghĩa là tất cả Thánh nhân của

¹⁸ Mạt Đăng Sao, mục (1) Hữu niệm vô niệm: “Những hành giả có được tín tâm chân thật thì an trú địa vị Chánh định tự, vì đã được Đức Phật A Di Đà “nhiếp thủ bất xả”. Họ không cần chờ đợi lúc lâm chung, không phải trông cậy Đức Phật A Di Đà đến rước nữa.” Mạt Đăng Sao, mục (7) Đẳng đồng chư Phật: “Sự thiết lập tín tâm chân thật hay tín tâm Kim cương có được thông qua sự “nhiếp thủ bất xả” của Đức Phật A Di Đà.” Tín tâm Kim cương là thâm tín vào bản nguyện và danh hiệu, tức là tín niệm chân thật. Sự thâm tín này là đời sống tôn giáo thuần chánh, và chỉ có sự thâm tín mới có thể có được ánh sáng bất diệt của đời sống thánh thiện. Mạt Đăng Sao, mục (14) Thắc mắc của Khánh Tín Phòng: “Nhờ sự ‘nhiếp thủ bất xả’ của Vô Ngại Quang Như Lai mà không còn tâm nghi ngờ nữa, và những ai niệm Phật dù chỉ một lần cũng đã xác định vãng sanh.”

¹⁹ Tha lực bản nguyện (他力本願): Tha lực hàm ý là bản nguyện. Nghĩa là tất cả chúng sanh nếu nương nhờ vào sức bản nguyện của Đức Phật A Di Đà thì đều được cứu độ, sanh về Cực Lạc phương Tây. Quán Kinh Sớ, Tán thiện

Đại thừa và Tiểu thừa, cũng như những phàm phu thiện ác đều từ bỏ tâm nương tựa vào tự thân muốn làm điều thiện cho mình; không nương tựa thân này, bỏ sự xem xét ác tâm [của mình], và cũng bỏ suy nghĩ về tâm thiện ác của người khác. Những kẻ phàm phu cụ phược, đồ cô hạ loại, nếu họ một lòng tin ưa thệ nguyện bất khả tư nghị của Đức Phật Vô Ngại Quang và danh hiệu trí tuệ quảng đại của Ngài, thì dù đầy đủ phiền não họ cũng đến được Vô thượng Đại Niết bàn. *Cụ phược*, là chúng ta bị các phiền não trói buộc. *Phiền*, là phiền thân. *Não*, là não tâm. *Đồ* (屠), là người giết mổ sinh vật, đây gọi là người thợ săn. *Cô* (沽), là người buôn bán các vật phẩm, đây là thương nhân. Những hạng người như vậy gọi là *hạ loại*. Những kẻ ác độc, thợ săn, đủ mọi loại người và chúng ta đều như đá, ngói, sỏi.

Năng linh ngõa lịch biến thành kim (能令瓦礫變成金): Tin vào bản nguyện Di Đà, thì chúng ta thí như ngói sỏi, khiến biến thành vàng ròng. Thương nhân, thợ săn, v.v. hết thảy chúng ta, giống như đá, ngói, sỏi, được “nhiếp thủ bất xả” bởi quang minh nhiếp thủ của Đức Phật A Di Đà. Đây chính là duyên do của tín tâm chân thật. Nên biết như vậy.

Nói ‘*quang minh nhiếp thủ*’, nghĩa là nhiếp thủ ở trong tâm của Đức Phật Vô Ngại Quang, và gọi đó là ‘tín tâm Kim cương’.

Trên đây, ngôn bất tận ý, chỉ trình bày đại lược. Chỗ thâm sâu, có thể hỏi người hiểu biết hơn.

Câu kệ này là lời giải thích của Từ Mẫn Tam Tạng, bậc Cao tăng cầu pháp Thiên Trúc. Ở Chấn Đán, mọi người tôn xưng Ngài là Tuệ Nhật Tam Tạng.

(4) [Đại sư Thiện Đạo, câu kệ trong Pháp Sư Tán]

nghĩa, của ngài Thiện Đạo (Đại 37, 271 trung) nói: "Một lòng tin sâu 48 nguyện của Đức Phật A Di Đà nhiếp thọ chúng sanh, quyết định không nghi, nương vào nguyện lực của Ngài, chắc chắn được vãng sanh." Đây nói 48 nguyện của Đức Phật A Di Đà tức là tha lực. Cũng có khi Tha lực bản nguyện là chỉ riêng cho nguyện niệm Phật vãng sanh thứ 18.

Cực Lạc vô vi Niết bàn giới
Tùy duyên tạp thiện khúg nan sanh
Cổ sử Như Lai tuyển yếu pháp
Giáo niệm Di Đà chuyên phục chuyên.²⁰

Cực Lạc vô vi Niết bàn giới (極樂無為涅槃界): *Cực Lạc*, là Tịnh độ Cực Lạc kia, là tịnh độ thường thọ chư lạc, không xen chúng khổ, nên quốc độ kia được gọi là An Dưỡng. Hòa thượng Đàm Loan nói: “Phụng tán cũng gọi là An Dưỡng.”²¹ Lại nữa, Tịnh Độ Luận nói: “Thế giới Liên Hoa Tạng.”²² *Cực Lạc* cũng nói là ‘Vô vi’. *Niết bàn giới*: Chuyển vô minh hoặc để chứng Vô thượng Niết bàn. *Giới*, là cảnh giới, là cảnh giới chứng ngộ, nên biết như vậy. Nói về Niết bàn thì có vô số tên gọi, không thể kể hết, nhưng có thể nêu ra một số tên gọi. Niết bàn còn gọi là Diệt độ, Vô vi, An lạc, Thường lạc, Thật tướng, Pháp thân, Pháp tánh, Chân như, Nhất như, Phật tánh. “Phật tánh tức là Như Lai.”²³ Đức Như Lai ấy (A Di Đà Phật) sung mãn vi trần thế giới, tức sung mãn biển cả tâm thức của tất cả chúng

²⁰ Chuyển Kinh Hành Đạo Nguyên Vãng Sanh Tịnh Độ Pháp Sự Tán (轉經行道願往生淨土法事讚), No. 1979, Đại sư Thiện Đạo tập ký, quyển hạ, tr. 430c21. Tuyển Trạch Bản Nguyên Niệm Phật Tập, (選擇本願念佛集), No. 2608, Thượng nhân Nguyên Không soạn, tr. 17a27. “Cực Lạc vô vi Niết-bàn giới, Tùy duyên tạp thiện e khó sanh, Bởi thế Như Lai tuyển yếu pháp, Dạy niệm Di Đà chuyên cang chuyên.”

²¹ Tán A Di Đà Phật Kệ (讚阿彌陀佛偈), No. 1978, Đàm Loan soạn.

²² Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá (無量壽經憂波提舍), No. 1524, tr. 233a14: “Nhập đệ tam môn là dùng sự nhất tâm chuyên niệm, tác nguyện sanh cõi kia, vì tu Xa-ma-tha tịch tĩnh tam muội hạnh mà được vào thế giới Liên Hoa Tạng. Đó gọi là Nhập đệ tam môn.”

²³ Kinh Đại Bát Niết Bàn, No. 374, Pháp sư Đàm Vô Sấm dịch, quyển 32, phẩm Bồ-tát Sư Tử Hống, tr. 556c14-557a02: “Này thiện nam! Đại từ đại bi gọi là Phật tánh. Vì sao? Vì đại từ đại bi thường theo Bồ tát như bóng theo hình. Tất cả chúng sanh chắc chắn sẽ được đại từ đại bi, cho nên nói rằng, ‘Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh’. Đại từ đại bi, gọi là Phật tánh. Phật tánh, gọi là Như Lai. Đại hỷ đại xả, gọi là Phật tánh. Vì sao? Vì Đại Bồ tát nếu chẳng thể xả bỏ hai mươi lăm hữu thì không thể đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì các chúng sanh chắc chắn sẽ đạt được [Vô thượng Bồ đề], cho nên nói rằng, ‘Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh’. Đại hỷ đại xả tức là Phật tánh, Phật tánh tức là Như Lai. Phật tánh, gọi là đại tín tâm. Vì sao? Vì do tín tâm nên Đại Bồ tát có thể đầy đủ Đản ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật. Vì tất cả chúng sanh chắc chắn sẽ đạt được đại tín tâm, cho nên nói rằng, ‘Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh’. Đại tín tâm tức là Phật tánh, Phật tánh tức là Như Lai. Phật tánh, gọi là Nhất tử địa. Vì sao? Vì do nhân duyên Nhất tử địa nên Bồ tát được tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sanh. Vì tất cả chúng sanh chắc chắn sẽ đạt được Nhất tử địa, cho nên nói rằng, ‘Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh’. Nhất tử địa tức là Phật tánh, Phật tánh tức là Như Lai.”

sinh. Nói “Thảo mộc quốc độ tất giai thành Phật”²⁴, đây là tâm thức của tất cả hữu tình. Vì tín lạc vào thệ nguyện của phương tiện Pháp thân mà nói tâm [tín lạc] ấy tức là Phật tánh. Phật tánh tức là Pháp tánh. Pháp tánh tức là Pháp thân. Tuy nhiên, Đức Phật có hai loại Pháp thân: một là, Pháp tánh Pháp thân; hai là, Phương tiện Pháp thân. Pháp tánh Pháp thân thì vô sắc và vô hình, cho nên tâm tư không đến được, đường ngôn ngữ dứt bật. Từ ‘nhất như’ đây (Pháp tánh Pháp thân) mà hiện hình, gọi đó là Phương tiện Pháp thân, mà tướng danh của nó là Tỳ kheo Pháp Tạng, khởi phát 48 đại thệ nguyện bất khả tư nghị. Trong những thệ nguyện ấy, nó hiển hiện bản nguyện ‘quang minh vô lượng’ và hoằng thệ ‘thọ mạng vô lượng’, mà Bồ tát Thế Thân gọi đó là “Tận Thập Phương Vô Ngại Quang Như Lai”²⁵. Như Lai ấy chính là thù báo nghiệp nhân của thệ nguyện, nên xưng là Báo thân Như Lai, mà danh hiệu là “A Di Đà Như Lai”. Báo, là thù báo nghiệp nhân. Từ Báo thân này mà thị hiện Ứng thân, Hóa thân, vô lượng vô số thân, ở nơi vi trần thế giới, khắp chiếu ánh sáng trí tuệ không gì ngăn ngại, nên nói là “Tận Thập Phương Vô Ngại Quang Phật”. Sắc thái của quang minh là vô sắc vô hình, tức đồng Pháp tánh Pháp thân, có khả năng phá tan bóng tối vô minh, không bị ác nghiệp chướng ngại, nên nói là ‘Vô ngại quang’. Vô ngại, là không bị chướng ngại bởi phiền não,

²⁴ Thảo mộc quốc độ tất giai thành Phật (草木國土悉皆成佛): Cũng gọi Thảo mộc thành Phật, Phi tình thành Phật, Vô tình thành Phật, Vô tình hữu tánh. Các loại phi tình, vô tình như cỏ, cây, ngói, đá, đất, nước... đều thành Phật. Trong các tông Phật giáo, Tiểu thừa giáo không nói về vô tình hữu tánh, thảo mộc thành Phật. Trong Đại thừa giáo thì các Nhất thừa giáo như Hoa Nghiêm, Thiên Thai, Mật tông... đều chủ trương ‘thảo mộc thành Phật’. Tông Hoa Nghiêm cho rằng Đức Phật Tỳ lô giá na cụ túc 10 thân, dung hợp 3 thế gian (hữu tình, khí và trí chánh giác) của Phật và định, cho nên khí thế gian cũng có nghĩa ‘thành Phật’. Tánh của chân như thông cả tình, phi tình, thảo mộc thuộc về y báo cũng có Phật tánh. Lại như trong Kinh Hoa Nghiêm, đồng tử Thiện Tài lễ lâu quán của ngài Di Lạc liền được pháp môn Tam muội; kinh Vô Lượng Thọ có cây báu nói pháp, nước biển, cây báu của thế giới Liên Hoa đều có thể nói pháp, vì thế cũng có Phật tánh. Lại như trong Kinh Hoa Nghiêm, đồng tử Thiện Tài lễ lâu quán của ngài Di Lạc liền được pháp môn Tam muội; kinh Vô Lượng Thọ có cây báu nói pháp, nước biển, cây báu của thế giới Liên Hoa đều có thể nói pháp, vì thế cũng có Phật tánh. Giáo thuyết ‘Thảo mộc thành Phật’ của tông Thiên Thai y cứ vào kinh Pháp Hoa, Niết Bàn mà được thành lập, vì thế mà có thuyết ‘Nhất sắc nhất hương, vô phi trung đạo’, chủ trương tất cả mọi việc đều có lý trung đạo. Mật tông cho rằng cỏ cây đất nước đều là Pháp thân của Đại Nhật Như Lai, lấy lục đại làm Phật tánh, ưa bàn nghĩa ‘phi tình thành Phật’. Bởi vì Mật giáo cho rằng y báo, chánh báo của 10 giới đều do 6 đại (đất, nước, lửa, gió, không, thức) mà thành, cho nên nếu nói về 5 đại thì đó là Phật thể bản sơ; còn nếu nói về thức đại thì cũng là 5 trí của tánh đức. Cây cỏ tuy không có thức đại nhưng tự thể của chúng chính là Phật vốn có từ xưa đến nay, hơn nữa còn có công đức giác tri, cho nên cũng có đủ nghĩa phát tâm thành Phật. [X. Hoa nghiêm kinh thám huyền ký Q.16; Hoa nghiêm đại sở sao Q.30; Thai tông nhị bách đề Q.7].

²⁵ Tịnh Độ Luận: “Thế Tôn con nhất tâm, Quy mạng tận thập phương, Vô Ngại Quang Như Lai, Nguyên sanh An Lạc quốc.”

ác nghiệp và hữu hình. A Di Đà Phật nghĩa là ‘quang minh’. *Quang minh*, là sắc thái của trí tuệ, nên biết như vậy.

Tùy duyên tạp thiện khúng nan sanh (隨緣雜善恐難生): *Tùy duyên*, là mỗi chúng sanh tùy theo duyên của mình mà tu các thứ thiện pháp, tức là tám vạn bốn ngàn pháp môn, đem hồi hướng về Cực Lạc. Đây đều là thiện căn của tự lực, cho nên không thể vãng sanh Báo độ chân thật. Vì bị chê bỏ, nên nói là ‘khúng nan sanh’ (e rằng khó sanh). *Khúng*: đem tạp thiện, điều thiện của tự lực mà muốn sanh về Báo độ chân thật, e rằng không thể. *Nan sanh*: khó được vãng sanh.

Cố sử Như Lai tuyển yếu pháp (故使如來選要法): Đức Thích Ca Như Lai ở trong chư thiện mà tuyển lấy danh hiệu, ban cho những người không có đức tin và tà kiến, những chúng sanh ác độc ở trong thế giới ác độc và thời kỳ ác độc đầy năm thứ vắn đục. Nên biết như vậy. Chữ ‘tuyển’ ở đây hàm ý ‘hoàng tuyển’ (chọn lựa rộng rãi). *Yếu*, là chuyên biệt, là tìm cầu, là khế hợp. *Pháp*, chỉ cho danh hiệu.

Giáo niệm Di Đà chuyên phục chuyên (教念彌陀專復專): *Giáo*: dạy bảo, huấn dụ, lời dạy răn của Đức Thích Ca Thế Tôn. *Niệm*: những suy nghĩ cố định trong tâm, không có đủ loại kể đạc, tức là dạy bảo hành giả nhất hướng chuyên tu ‘danh hiệu của tuyển trạch bản nguyện’²⁶. *Chuyên phục chuyên*: Chữ ‘chuyên’ ở trước là tu tập nhất hạnh. *Phục*, là cũng, lại, càng. Chữ ‘chuyên’ ở sau là trở thành ‘nhất tâm’, trở thành ‘chuyên nhất hạnh’, nhất tâm. *Chuyên*, có nghĩa là ‘một’. *Chuyên*, là không có ‘hai tâm’. Tóm lại, tâm không dời đổi, gọi đó là ‘chuyên’. Đối với người ‘nhất hạnh, nhất tâm’ này, Hòa thượng chùa Quang Minh nói: “Nhiếp

²⁶ Nguyện thứ 18 là căn bản của 48 lời nguyện của Đức Phật A Di Đà, là sự thực hành vãng sanh mà Đức Phật tuyển trạch cho chúng sanh. Trong Tuyển Trạch Bản Nguyện Niệm Phật Tập, chương Bản Nguyện, khởi đầu Pháp Nhiên Thượng nhân viết: “Đức A Di Đà Như Lai không dùng các hạnh khác làm bản nguyện vãng sanh, mà chỉ dùng Niệm Phật làm bản nguyện vãng sanh.” Sau đó Ngài so sánh Xưng danh niệm Phật và chư hành ngang qua hai nghĩa “thắng liệt” và “nan dị”: chọn bỏ sự khó khăn và thấp kém của chư hành; tuyển lấy sự dễ dàng và thù thắng của Xưng danh niệm Phật. Rõ ràng là việc Đức Phật A Di Đà tuyển trạch bản nguyện ‘Xưng danh niệm Phật’, điều mà bất cứ ai cũng có thể tu tập, như một phương pháp thực hành để vãng sanh Tịnh độ, không gì khác hơn là tâm đại từ bi cứu độ tất cả chúng sanh một cách bình đẳng. Bằng cách này, Pháp Nhiên Thượng nhân tin rằng lời nguyện thứ 18, “Niệm Phật vãng sanh nguyện”, chính là hiện thân của tâm từ bi bình đẳng, và ông cũng gọi nó là “Vua của bản nguyện”.

thủ không bỏ, nên gọi là A Di Đà.”²⁷ ‘Nhất tâm’ này là tín tâm của hoành siêu. *Hoành siêu*, là siêu thắng vạn pháp, mau chóng siêu việt đại hải sanh tử, đạt đến Vô thượng giác. *Siêu*, đó là thế nguyện lực và tâm đại bi của Đức Phật A Di Đà. ‘Tín tâm’ này là do được ‘nhiếp thủ’ mà thành Kim cương tâm. Kim cương tâm là ba tín tâm của bản nguyện ‘niệm Phật vãng sanh’²⁸, chẳng phải ba tâm của Quán Kinh²⁹. Tâm chân thật này, Bồ tát Thế Thân gọi là “Tâm nguyện làm Phật”³⁰, là đại Bồ đề tâm của Tịnh độ³¹, cho nên ‘tâm nguyện làm Phật’ này chính là ‘tâm độ chúng sanh’. ‘Tâm độ chúng sanh’ chính là tâm cứu giúp chúng sanh vượt qua biển cả sanh tử. Tâm ‘tín lạc’ này là tâm khiến chúng sanh đạt đến Vô thượng đại Niết bàn. Tín tâm này là tâm đại từ đại bi. Tín tâm này tức là Phật tánh. Phật tánh tức là Như Lai. Có được tín tâm này gọi là ‘khánh hỷ’. Người có khánh hỷ được cho là người “ngang bằng với chư Phật”³². *Khánh* (慶), là khánh hỷ (vui mừng) sau khi có được vật mình ưng ý, là tâm khánh hỷ sau khi có được tín tâm. *Hỷ* (喜), là trong lòng hỷ tâm thường chẳng dứt, thường nhớ nghĩ, là dũng được³³. *Dũng* (踴), là vọt lên trời. *Dược* (躍), là nhảy xuống đất. Dũng dược là hình thức thể hiện hỷ tâm vô

²⁷ Vãng Sanh Lễ Tán Kệ (往生禮讚偈), No. 1980, Đại sư Thiện Đạo tập ký, tr. 439c23: “Kinh A Di Đà và Quán Kinh đều nói: Đức Phật A Di Đà có quang minh vô lượng, chiếu mười phương quốc độ không bị chướng ngại, chỉ tìm kiếm chúng sanh niệm Phật, nhiếp thủ không bỏ, nên gọi là A Di Đà. Đức Phật kia cùng nhân dân của Ngài có thọ mạng vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp, nên gọi là A Di Đà.”

²⁸ Niệm Phật vãng sanh nguyện là nguyện thứ 18. Ba tín tâm của nguyện thứ 18 là: chí tâm, tín lạc tâm và dục sanh tâm.

²⁹ Ba tâm của Quán Kinh là: chí thành tâm, thâm tâm và hồi hướng phát nguyện tâm.

³⁰ Nguyện tác Phật tâm (願作佛心): Tâm mong cầu làm Phật, cũng tức là tâm thượng cầu Bồ đề. Cứ theo Vãng Sanh Luận Chú, quyển hạ, thì trong kinh Vô Lượng Thọ, do Đức Phật nói ở thành Vương Xá, có ghi rằng: Đối với 3 hạng chúng sanh thượng, trung, hạ, tuy hành nghiệp có hơn kém khác nhau, nhưng đối với việc phát nguyện vãng sanh Tịnh độ thì mọi người đều phát tâm Vô thượng Bồ đề. Tâm Vô thượng Bồ đề này tức là tâm nguyện làm Phật; tâm nguyện làm Phật tức là tâm độ chúng sanh; tâm độ chúng sanh tức là tâm nhiếp thủ chúng sanh về Phật độ. Cho nên người nguyện sanh về tịnh độ An Lạc cần phải phát tâm Bồ đề vô thượng vậy.

³¹ Bồ đề tâm là gốc rễ của sự vãng sanh Tịnh Độ. Nếu không phát Bồ đề tâm thì ngay cả siêng năng tu tập, nó cũng giống như nước không có nguồn và cây không có rễ, trọt không thể vãng sanh.

³² Kinh Hoa Nghiêm, quyển 60, phẩm Nhập Pháp Giới, tr. 788a29: “Nghe pháp này hoan hỷ, Ai tín tâm không nghi, Mau thành Vô thượng đạo, Ngang bằng chư Như Lai.” (Văn thủ pháp hoan hỷ, Tín tâm vô nghi giả, Tốc thành vô thượng đạo, Dữ chư Như lai đẳng. 聞此法歡喜, 信心無疑者, 速成無上道, 與諸如來等.)

³³ Dũng dược: háo hức, nhiệt tình, nhảy nhót, phấn chấn.

cùng tận. Người có được ‘tín tâm’ thì thí như hoa phân đà lợi.³⁴ Sự ‘khó được’ tín tâm này, như Đại Kinh dạy, “*Nếu nghe kinh này mà tin ưa thọ trì thì là khó trong khó, không gì khó hơn*”, và Tiểu Kinh cũng nói, “*Pháp rất khó tin*”. Đức Thích Ca Như Lai thị hiện ở trong thời kỳ dữ dội đầy cả năm thứ vắn đục, nói cho mọi người thực hành cái pháp khó tin này, để đạt đến Vô thượng Niết bàn, bằng cách đem ‘danh hiệu trí tuệ’ này mà trao cho chúng sanh trước ác. Mười phương chư Phật chứng thành, hằng sa Như Lai hộ niệm, đặc biệt vì người có được tín tâm chân thật. Đức Thích Ca là từ phụ, Đức Di Đà là bi mẫu, làm cha mẹ của chúng ta, dùng các thứ phương tiện, khiến chúng ta phát khởi ‘tín tâm’ vô thượng. Nên biết như vậy. Do quá khứ lâu xa, ở chỗ chư Phật xuất thế bằng số cát của ba sông Hằng³⁵, đã phát Đại Bồ đề tâm mà tự lực tu chút ít thiện căn,³⁶ nay được gặp đại nguyện nghiệp lực³⁷. Người có

³⁴ Kinh Quán Vô Lượng Thọ: “Nếu là người niệm Phật, nên biết người ấy là hoa phân đà lợi trong loài người. Bồ tát Quán Thế Âm và Bồ tát Đại Thế Chí là thắng hữu của người ấy. Người ấy sẽ ngồi đạo tràng, sanh vào nhà của chư Phật.”

³⁵ Kinh Đại Bát Niết Bàn, No. 375, phẩm Tứ Y: “Ca-Điếp Bồ-Tát lại thưa: ‘Bạch Thế-Tôn ! Lúc chánh pháp diệt, chánh giới hư, phi pháp tăng trưởng, chúng sanh tệ ác, thời ai là người có thể nghe hiểu thọ trì đọc tụng nhuần thuộc, cùng cúng dường cung kính biên chép giải nói kinh điển Đại thừa này. Mong Như Lai xót thương chỉ bảo, cho các hàng Bồ tát được bậc bất thối tâm vô thượng bồ đề.’ Phật khen: ‘Lành thay! Lành thay! Nay Ca Điếp! Chúng sanh nào đã từng phát tâm bồ đề ở chỗ chư Phật nhiều bằng số cát của một sông Ni-Liên mới có thể nơi đời ác thọ trì kinh điển như thế này mà không phỉ báng. Chúng sanh nào được phát tâm bồ đề nơi chư Phật bằng số cát của một sông Hằng, vậy sau mới có thể ở trong đời ác ưa thích pháp Đại thừa này, nhưng chẳng thể giảng giải cho mọi người. Chúng sanh nào từng ở trước chư Phật bằng số cát của hai sông Hằng phát tâm bồ đề, mới có thể ở trong đời ác chẳng phỉ báng kinh này, mà tin hiểu chơn chánh cùng ưa thích thọ trì đọc tụng, nhưng cũng chẳng thể giảng rộng cho người. Chúng sanh phát tâm bồ đề nơi chư Phật bằng số cát của ba sông Hằng, mới có thể ở đời ác tin hiểu thọ trì đọc tụng và giảng nói kinh này, nhưng chưa hiểu thâm nghĩa. Chúng sanh phát tâm bồ-đề nơi chư Phật bằng số cát của bốn sông Hằng, mới có thể ở đời ác tin ưa đọc tụng kinh này và giảng nói một phần trong mười sáu phần thâm nghĩa. Chúng sanh phát tâm bồ đề nơi chư Phật bằng số cát của năm sông Hằng, mới có thể ở đời ác giảng nói tám phần trong mười sáu phần thâm nghĩa của kinh này. Chúng sanh phát tâm bồ đề nơi chư Phật bằng số cát trong sáu sông Hằng, mới có thể ở đời ác giảng nói mười hai phần trong mười sáu phần thâm nghĩa của kinh này. Chúng sanh phát tâm bồ-đề nơi chư Phật bằng số cát trong bảy sông Hằng, mới có thể ở đời ác giảng nói mười bốn phần trong mười sáu phần thâm nghĩa của kinh này. Và chúng sanh phát tâm bồ đề nơi chư Phật bằng số cát của tám sông Hằng, ở đời ác, mới có thể tự mình và khuyên người đối với kinh này tin ưa đọc tụng biên chép thọ trì, cúng dường cung kính, và hiểu thấu tất cả nghĩa vị, tức là Như Lai thường trụ chẳng dời, rất rạo an vui, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, người này khéo biết các pháp tạng của Như Lai, cúng dường vô lượng chư Phật, kiến lập chánh pháp vô thượng và thọ trì ủng hộ.”

³⁶ Chánh Tượng Mạt Hòa Tán, Tam Thời Tán, mục (17): “Số cát ba sông Hằng chư Phật, Lúc ban sơ trước khi xuất thế, Tuy phát khởi Đại Bồ đề tâm, Tự lực không giúp khiến lưu chuyển.”

³⁷ Đại nguyện nghiệp lực (大願業力): Chỉ cho sức nghiệp nhân của đại nguyện. Từ ngữ này được thấy trong các tác phẩm của các sư Đàm Loan, Đạo Xước, Thiện Đạo. Đối với nhóm từ này, tông Tịnh độ đưa ra nhiều cách giải thích: (1) Chỉ cho sức nghiệp nhân của đại nguyện: Sự trang nghiêm của Tịnh độ và công đức từ bi cứu độ chúng sanh, tất cả không ngoài sức tác dụng của bản nguyện của Phật A Di Đà mà có. (2) Chỉ cho sức đại nguyện, sức đại nghiệp:

được ba tín tâm vào tha lực³⁸ thì cần thận chớ có phủ nhận thiện căn của mình và hạ thấp các vị Phật, Thánh khác.

(5) [Câu văn “Đủ ba tâm” trong Quán Kinh]

Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “*Người đủ ba tâm này ắt sanh nước kia.*”

Ngài Thiện Đạo giải thích rằng: “*Đầy đủ ba tâm này ắt sanh nước kia; nếu thiếu một tâm, thì không được sanh.*”³⁹

Đủ ba tâm này: Nên có đủ ba thứ tâm.

Nếu thiếu một tâm: Khiếm khuyết Nhất tâm⁴⁰ thì không được vãng sanh. Khiếm khuyết Nhất tâm là khiếm khuyết tín tâm. Khiếm khuyết tín tâm là khiếm khuyết ba tín tâm của ‘bản nguyện chân thật’⁴¹. Sau khi có được ba tâm của Quán Kinh, và sau khi có được ba tín tâm của Đại Kinh⁴², được gọi là ‘có được Nhất

Sự phát nguyện và tu hành của Bồ tát Pháp Tạng (tên Phật A Di Đà khi phát nguyện ở Nhân vị). Bồ tát Pháp Tạng tư duy về việc cứu độ chúng sanh mà kiến lập 48 nguyện nên gọi Đại thệ nguyện lực; sau khi phát nguyện, Bồ tát tích chứa công đức muôn hạnh sáu độ trải bao nhiêu đại kiếp nên gọi là Đại nghiệp lực. (3) Chỉ cho Đại nguyện, Đại nghiệp, Đại lực: Sức cứu độ của Đức Phật A Di Đà là do kết quả của sự phát nguyện và tu hành của Bồ tát Pháp Tạng mà được hoàn thành.

³⁸ Chỉ cho ba tín tâm của nguyện 18, tức tín tâm tuyệt đối vào tha lực bản nguyện của Đức Phật A Di Đà, và đây là chánh nhân vãng sanh thành Phật.

³⁹ Vãng Sanh Lễ Tán Kệ (往生禮讚偈), No. 1980, do ngài Thiện Đạo tập ký, tr. 438c12.

⁴⁰ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyên Sinh Kệ Chú (無量壽經優婆提舍願生偈註), No. 1819, Sa-môn Đàm Loan giải thích: “**Con nhất tâm:** Là lời tự đốc suất của Bồ tát Thiên Thân. Nhất tâm là xưng niệm Vô Ngại Quang Như Lai, nguyện sanh An Lạc, tâm tâm tương tục, không có ý tưởng nào khác xen tạp.”

⁴¹ Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Chân Giải (佛說無量壽經甄解), do Pháp sư Thích Đạo Ấn trước tác: “Đại sư Thiện Đạo cho rằng ngài Pháp Tạng đã thành tựu chân thật ở trong nhân vị, nên nói là bản nguyện chân thật.” (Thiện Đạo sở vị Pháp Tạng nhân trung sở thành chân thật, cố ngôn bản nguyện chân thật. 善導所謂法藏因中所成真實, 故言本願真實.)

⁴² Tam tín (三信): Cũng gọi Tam tâm, Tam tín tâm, là giáo nghĩa của Tịnh độ Chân tông Nhật Bản, chỉ cho Chí tâm, Tín lạc tâm, Dục sinh tâm do Đức Phật A Di Đà thệ nguyện trong điều nguyện thứ 18 của Ngài, được gọi là Đại kinh tam tâm (大經三心). Tịnh độ Chân tông Nhật bản chủ trương bản nguyện của Phật là cứu độ những người tội ác sâu nặng, cho nên nếu chúng ta bỏ tâm tự lực mà tin sâu sức cứu độ của Phật thì chắc chắn sẽ được cứu. Nếu người nghe ý nghĩa của bản nguyện này (nguyện thứ 18) mà tâm không sinh một mảy may nghi hoặc thì gọi là Tín lạc (tin ưa). Sự tín lạc này là do Chí tâm của Phật ban cho, do đó bản chất của niềm tin ưa ấy là chân thực không hư dối. Lòng tin này chính là Dục sinh tâm mà Đức Phật A Di Đà muốn cho chúng ta phát tâm sinh về cõi Tịnh độ của Ngài. Tổ của Tịnh độ Chân tông Nhật bản là ngài Thân Loan chủ trương Tam tín, tức là Tín tâm, biểu thị đức tánh mà Phật A Di Đà ban cho chúng ta, còn Nhất tâm (Chí tâm) thì biểu thị căn bản là chúng ta có thể được cứu độ. Tín tâm này chính là bản nguyện của Đức Phật A Di Đà, muốn cứu độ tất cả chúng sinh vãng sinh báo độ, chính là tâm tin vào pháp tha lực. Tuy nhiên, pháp này cao siêu, người ở “giai vị tu nhân” khó mà dùng lòng tin mà đi vào, phải

tâm’. Thế nên, không có được ba tín của Đại Kinh, thì gọi là ‘khiếm khuyết Nhất tâm’. Khiếm khuyết Nhất tâm này thì không thể vãng sanh Báo độ chân thật. Ba tâm của Quán Kinh là tự lực tâm của định cư và tán cư⁴³. Hồi hướng định thiện và tán thiện, nguyện có được ba tín của Đại Kinh, đây là thâm tâm và chí thành tâm của phương tiện quyền giả, nên biết như vậy. Không có được ba tín tâm chân thật thì không thể vãng sanh Báo độ chân thật. Không thể vãng sanh Báo độ chân thật, nên nói là “*Thì không được sanh*”. Nếu sanh ở Biên địa thai sanh⁴⁴ thì cũng trải qua

lấy tha lực để mà tín phục, nên gọi là nan tín. Nếu từ lập trường tự lực thì tín tâm này khó có thể vào được, nhưng một khi đã vào được rồi thì nó trở nên cứng chắc như kim cương, không gì có thể phá hoại hay làm cho loạn động, cho nên gọi là Nan tín kim cương tín lạc (難信金剛信樂). Lòng tin ưa này là do sức cứu độ sâu rộng của Phật A Di Đà ban cho chúng ta nên cũng gọi là Lợi tha thâm quảng tín lạc (利他深廣信樂). Theo ngài Thân Loan, ba tâm này là một tâm, và tâm ấy là kim cương tâm.

⁴³ Tông Tịnh độ căn cứ theo kinh Quán Vô Lượng Thọ mà chia căn cơ làm hai loại là: Định cư (Định thiện cư) và Tán cư (Tán thiện cư). Trong Tán cư lại lập ba loại: Phế lập, Trợ chánh, Bàng chánh. Cư Phế lập bỏ hết các hạnh khác mà chỉ chuyên tu một hạnh niệm Phật, gọi là Chánh cư. Tịnh độ Chân tông Nhật bản phối hợp ba nguyện 18, 19 và 20 trong 48 nguyện của Đức Phật A Di Đà mà lập ba cư: Chánh định tụ, Tà định tụ và Bất định tụ, và lập thuyết Ác nhân chánh cư (Chân tông cho rằng những người ác mới là đối tượng cần được hóa độ). Định thiện là lắng tâm dứt trừ các ý niệm tạp nhạp. Tán thiện là đoạn diệt điều ác tu các hạnh lành. Đây là hai loại thiện do ngài Thiện Đạo chủ trương để cầu vãng sanh Tịnh độ. Trong 16 pháp quán như Thủy quán, Bảo thọ quán, Tượng quán, Phổ quán, Tạp tưởng quán v.v... nói trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, thì ngài Thiện Đạo cho rằng 13 pháp quán trước là dùng định tâm quán tưởng về y báo, chánh báo của cõi Tịnh độ, cho nên gọi là Định thiện. Còn 3 pháp quán sau là dùng tán tâm tu tập các hạnh 3 phước, 9 phẩm, cho nên gọi là Tán thiện. Định thiện và Tán thiện là nhân của sự vãng sanh, thế nguyện của Đức Phật A Di Đà là thắng duyên của sự vãng sanh; khi nhân và duyên hòa hợp thì được quả vãng sanh. Ngoài ra, căn cơ có thể tu định thiện gọi là Định cư; căn cơ không có khả năng tu định thiện mà chỉ có thể tu tập các hạnh tán thiện, thì gọi là Tán cư. Định cư, Tán cư bao nhiếp hết thầy chúng sanh.

⁴⁴ Biên địa thai sanh (邊地胎生) Thọ thai sanh ra ở biên giới. Những người có công đức mà lòng còn ngờ vực, thì sau khi chết, được sanh ở biên địa của Tịnh độ Cực Lạc, gọi là Biên địa thai sanh, gọi tắt là Biên thai. Kinh Vô Lượng Thọ quyền hạ chép, những người tu các công đức, nguyện sanh về cõi nước Cực Lạc; nhưng vì không biết rõ trí tuệ của Phật là trí tuệ chẳng thể nghĩ bàn, nên sinh lòng ngờ vực, không tin trí ấy. Tuy nhiên, còn tin tội phước, tu tập gốc lành, nguyện sanh cõi kia, những chúng sinh này được sanh trong cung điện của nơi biên địa; trong năm trăm năm không được thấy Phật, không nghe kinh pháp, cũng chẳng gặp Bồ tát và các vị Thanh văn. Lại cứ theo kinh Đại A Di Đà quyền hạ chép, thì người làm việc bố thí cầu vãng sanh, sau lại hối tiếc và sinh tâm nghi ngờ, không biết có được vãng sanh không. Những người như thế, sau khi chết, không được sanh đến chỗ của Đức Phật A Di Đà, mà chỉ thấy cung điện bảy báu của Ngài ở nơi biên giới, lòng sanh vui mừng mà dừng lại ở trong thành, hóa sanh trong ao báu. Thành ấy chu vi hai ngàn dặm, có nhà bảy báu, cũng có ao tắm bảy báu, trong ao tự nhiên hoa thơm, hàng cây bảy báu đều phát ra năm âm thanh (cung, thương, đốc, chúy, vũ). Đến giờ ăn cơm, tùy theo ý thích, tự nhiên được các thức ăn uống trăm mùi thơm ngon; những sự vui sướng trong thành đều giống như ở cung trời Đao Lợi thứ hai. Nhưng, những người ấy chẳng được ra khỏi thành, không được thấy Phật, nghe kinh và gặp các tỷ kheo tăng, cũng chẳng được biết tướng mạo của các Bồ tát, các A la hán ở nước của Đức Phật A Di Đà. Sau năm trăm năm ở biên thai mới được đến chỗ Đức Phật A Di Đà và trí tuệ được mở tỏ dần dần. Về Biên địa thai sanh, giữa các nhà Tịnh độ cũng có nhiều giải thích khác nhau. Cứ theo ngài Đàm Loan nói trong Lược Luận An Lạc Tịnh Độ Nghĩa, thì người sanh nơi biên địa này, trong năm trăm năm không thấy Tam bảo, nghĩa cũng giống như nạn biên địa trong tám nạn, lại ở vào góc bên cạnh của Tịnh độ Cực Lạc, nên gọi là Biên địa. Lại như người lúc mới sanh, chưa thành phép người, ví dụ với sự mờ tối của người mới sanh, cho nên gọi là Thai sanh.

năm trăm năm, hoặc trong ức ngàn vạn chúng sanh thì hy hữu mới có một người được vào Báo độ chân thật. Phải hiểu biết sâu xa việc ‘có được ba tín tâm’ để mà nguyện sanh Cực Lạc.

(6) [Đại sư Thiện Đạo, đoạn văn phần Tán Thiện Nghĩa của Quán Kinh Sớ]

“*Không được bên ngoài bày tướng hiển thiện tinh tiến*”⁴⁵: Người nguyện sanh Tịnh độ thì uy nghi bên ngoài không nên biểu hiện hình tướng người hiền, hình tướng người thiện và hình tướng tinh tiến, bởi vì bên trong ôm giữ sự hư giả. *Bên trong*, là nội tâm có đủ thứ phiền não, là hư, là giả. *Hư*, là không thật. *Giả*, là không chân. Như vậy, cứ theo giáo pháp của Như Lai, thế gian ngày nay được phán định là ‘mạt pháp ác thế’⁴⁶, cho nên hết thảy hữu tình không có tâm chân thật, khinh mạn sư trưởng, bất hiếu cha mẹ, bạn bè không tin nhau, chỉ ưa điều ác. Người thế gian và xuất thế gian đều “*tâm miệng mỗi khác, lời ý không thật.*” (Đại Kinh, quyển hạ) *Tâm miệng mỗi khác*: Tâm suy nghĩ và miệng nói năng, mỗi cái đều khác nhau. *Lời ý không thật*: Lời nói và tâm ý đều không thật. *Thật*, là chân thật. Tôi nghe nói rằng, ‘Người đời này chỉ có cái tâm không chân thật, còn người nguyện sanh Tịnh độ chỉ có cái tâm quanh co giả dối’, bởi vì họ tuy có tâm chán bỏ thế gian cũng lấy cái tâm cầu danh và cầu lợi làm đầu. Như vậy, họ chẳng phải người thiện, cũng chẳng phải người hiền. Những người ấy không có tâm tinh tiến, chỉ có tâm giải đãi, nội tâm thường quanh co giả dối, bản thân không có cái tâm

⁴⁵ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, tr. 270c29.

⁴⁶ Cõi Ta Bà không những là cõi ‘ngũ trược ác thế’ mà còn ở trong thời kỳ mạt pháp.

chân thật. Nên biết như vậy. “*Cần phải rất cân nhắc*”⁴⁷: tùy tình huống của sự việc mà suy ngẫm.

(7) [Pháp ngữ của Hòa thượng Từ Mẫn]

“*Bát giãn phá giới tội căn thâm*”: Không chê người phá hủy mọi loại giới pháp và phạm tội sâu nặng. Lời này đã được giải thích chi tiết ở trên, vì vậy hãy đọc kỹ.

(8) [Nguyện thứ 18 trong Đại Kinh]

“*Nhẫn đến mười niệm, nếu không được sanh thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác*”: Đoạn văn ‘tuyên trạch bản nguyện’. Ý của đoạn văn này là, người xưng niệm danh hiệu của ‘nãi chí thập niệm nguyện’⁴⁸ mà nếu không vãng sanh nước tôi thì tôi thệ chẳng thành Phật. *Nãi chí*, là từ ngữ tổng nhiếp: trên dưới, nhiều ít, gần xa, lâu [mau]. Vì chắm dứt tâm trí kẹt trong ‘đa niệm’ cùng ‘nhất niệm’, vì thương xót chúng sanh đời vị lai, Bồ tát Pháp Tạng đã phát thệ nguyện sẵn trước này. Hãy khéo biết đó, nên tự vui mừng.

⁴⁷ Duy Tín Sao: “Nay nói về ‘tâm chân thật’: cầu Tịnh độ, chán uế độ và tin Phật nguyện, thì phải có tâm chân thật, không cần thiết phải tỏ ra hổ thẹn hay biết lỗi. Do mọi sự tùy duyên, cần phải rất cân nhắc. Hòa thượng Thiện Đạo giải thích: ‘*Không được bên ngoài bày tướng hiển thiện tinh tiến, mà bên trong ôm lòng hư giả.*’”

⁴⁸ Nguyện thứ 18 còn gọi là ‘Nãi chí thập niệm nguyện’ (乃至十念願). Cứ theo Vãng Sanh Lễ Tán của ngài Thiện Đạo thì từ ngữ “nhẫn đến mười niệm” (nãi chí thập niệm) trong văn nguyện, có hàm ý là “tối thiểu mười tiếng” (hạ chí thập thanh), tức chỉ niệm mười lần câu “Nam mô A Di Đà Phật” cũng được sanh về Tịnh độ. Vì Đức Phật A Di Đà đã thành Phật rồi và hiện đang ở cõi Tịnh độ, nên lời thệ nguyện của Ngài không hề hư dối. Về từ ngữ “nhẫn đến mười niệm”, có nhiều thuyết: Ngài Đàm Loan chủ trương “nhẫn đến mười niệm” là niệm liên tục không gián đoạn. Các ngài Nguyên Hiếu, Pháp Vị, Huyền Nhất thì cho đó là “mười pháp mười niệm”: từ tâm, bi tâm, hộ pháp tâm, quyết định tâm, thâm tâm, nhất thiết chủng trí tâm, tôn trọng tâm, bất vị trước tâm, viển ly tán loạn tâm, chánh niệm quán Phật tâm, được nói trong Kinh Di Lạc Phát Vấn. Ngài Nghĩa Tịch thì cho niệm tức hàm ý thời gian, xưng niệm sáu chữ danh hiệu một lần là một niệm, mười lần tức thành mười niệm, trong mỗi niệm ấy tự nhiên đầy đủ mười pháp mười niệm: từ, bi, v.v. Trong Tuyên Trạch Bản Nguyện Niệm Phật Tập, ngài Nguyên Không, người Nhật Bản, cho rằng giữ giới, tụng kinh, thực hành sáu độ, công đức tuy rất lớn, có thể hồi hướng vãng sanh, nhưng đều không thù thắng bằng công đức xưng danh niệm Phật, cho nên chỉ lấy một hạnh niệm Phật làm bản nguyện vãng sanh mà thôi.

(9) [Pháp ngữ của Thánh Giác Thượng nhân, Duy Tín Sao]

“*Không phải quyền, không phải thật*”⁴⁹: Là giáo lý của Pháp Hoa tông, đây không phải ý của Tịnh độ Chân tông, mà là ý của Thánh đạo gia, cũng không phải ý của Di hành đạo. Nên tìm hỏi người của tông phái đó.

(10) [Câu văn Hạ phẩm hạ sanh trong Quán Kinh]

“*Nếu người chẳng thể niệm*”⁵⁰: Người ngu ‘ngũ nghịch thập ác’, tội nhân ‘thuyết pháp bất tịnh’⁵¹, bị bệnh khổ bức bách, tâm người ấy không thể niệm tướng Di Đà, được khuyến khích miệng xưng ‘Nam Mô A Di Đà Phật’. Đây chính là hiện

⁴⁹ Duy Tín Sao: “Về mười niệm này, hoặc có người nghi rằng: Một niệm tùy hỷ trong kinh Pháp Hoa, đó là thâm đạt nghĩa lý ‘không phải quyền, không phải thật’. Nay nói mười niệm, làm sao rõ biết đó là mười tiếng danh hiệu? Giải thích điều nghi này, trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, nói về sắc thái của người Hạ phẩm hạ sanh, rằng: ‘Chúng sanh tạo nghiệp bất thiện ngũ nghịch, thập ác, đủ các bất thiện, đến khi lâm chung, mới nương lời khuyên của thiện trí thức, chỉ có xưng mười lần danh hiệu, liền sanh Tịnh độ.’ Đây chẳng phải sự tinh quán, thâm niệm, mà chỉ là miệng xưng danh hiệu vậy.”

Tông Thiên Thai cho rằng Viên giáo được nói trong kinh Pháp Hoa là Thật giáo, còn Thông giáo, Tạng giáo và Biệt giáo được nói trong các kinh khác thì đều thuộc Quyền giáo, cho nên gọi là Tam quyền nhất thật. Đứng về phương diện bản thể chứng ngộ của Phật mà nói thì Quyền giáo và Thật giáo đều bình đẳng, gọi là Quyền thật đồng thể. Còn nói theo tác dụng giáo hóa chúng sanh của Phật thì phương pháp tu hành và trình độ giác ngộ của Quyền giáo và Thật giáo có khác nhau, cho nên gọi là Quyền thật dị thể. Pháp Hoa Văn Cú, quyển 3, thượng, cho rằng có thể dùng bốn câu về quyền, thật để biểu thị trạng thái tồn tại của tất cả sự vật như sau: “Tất cả các pháp đều là quyền. Tất cả các pháp đều là thật. Tất cả các pháp vừa là quyền vừa là thật. Tất cả các pháp không phải quyền không phải thật.” Thập bất nhị môn trong Pháp Hoa Huyền Nghĩa, quyển 7, có lập Quyền thật bất nhị môn, nghĩa là đứng trên lập trường của người mà nói thì 9 cõi từ Bồ tát trở xuống đến địa ngục là Quyền, còn cõi Phật là Thật, gọi là Cửu quyền nhất thật; còn nói theo lập trường của giáo pháp thì tuy có chia ra Tam quyền nhất thật, nhưng nên quán xét quyền thật viên dung không sai khác.

⁵⁰ Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật: “Đức Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: Hoặc có chúng sanh tạo nghiệp bất thiện ngũ nghịch, thập ác, đủ các bất thiện. Người ngu như vậy, do các ác nghiệp phải đọa ác đạo, trải qua nhiều kiếp thọ khổ vô cùng. Người ngu ấy, lúc lâm chung, gặp thiện trí thức dùng nhiều lời an ủi, vì nói diệu pháp dạy bảo niệm Phật. Người ấy bị khổ bức không yên rảnh niệm được. Thiện hữu bảo rằng, nếu người không thể niệm tướng Phật kia, thì nên xưng ‘quy mạng Vô Lượng Thọ Phật’, như vậy chí tâm khiến tiếng xưng danh chẳng dứt, đầy đủ mười niệm xưng ‘Nam Mô A Di Đà Phật’. Do xưng danh hiệu Phật, nên trong mỗi niệm trừ tám mươi ức kiếp tội sanh tử.”

⁵¹ Thuyết pháp vì danh dự hay lợi ích của chính mình, cũng như thuyết pháp một cách sai lầm.

thị lời thệ ‘lấy miệng xưng làm bản nguyện’. Nói rằng, “*Nên xưng Vô Lượng Thọ Phật*”, là ý này vậy.⁵²

“*Đầy đủ mười niệm, xưng Nam Mô A Di Đà Phật. Do xưng danh hiệu Phật, nên trong mỗi niệm trừ tám mươi ức kiếp tội sanh tử*”: Vì tội nhân ‘ngũ nghịch’ có đủ tội lỗi trên thân, gấp mười lần tám mươi ức kiếp tội, được khuyên nên xưng danh mười niệm ‘Nam mô A Di Đà Phật’. Không phải một niệm mà có thể tiêu diệt được tội lỗi của mười lần của tám mươi ức kiếp sanh tử. Điều này để mọi người nhận thức được mức độ nghiêm trọng của ngũ nghịch tội. “*Mười niệm*”: Là miệng xưng danh hiệu mười lần.

(11) [Đại sư Thiện Đạo, đoạn văn Vãng Sanh Lễ Tán]

Tuyên Trạch Bản Nguyện ghi rằng: “*Nếu tôi thành Phật, mười phương chúng sanh, xưng danh hiệu tôi, tối thiểu mười tiếng, nếu không được sanh thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.*”⁵³

Bản nguyện của Di Đà nói “hạ chí” (下至, tối thiểu): Hạ là đối với thượng, vì khiến chúng sanh biết “thập thanh” (十聲, mười tiếng) thì chắc chắn được vãng

⁵² Duy Tín Sao: “Nói rằng, “*Nếu người chẳng thể niệm*”, đây là nói cái ý ‘suy nghĩ sâu xa’. Nói rằng, “*Nên xưng Vô Lượng Thọ Phật*”, đây là khuyên ‘chỉ tâm xưng Phật hiệu’. Nói rằng, “*Đầy đủ mười niệm, xưng Nam Mô A Di Đà Phật. Do xưng danh hiệu Phật, nên trong mỗi niệm trừ tám mươi ức kiếp tội sanh tử*”, ở đây nói ‘mười niệm’, nghĩa là chỉ xưng danh mười lần vậy.”

⁵³ Vãng Sanh Lễ Tán Kệ (往生禮讚偈), No. 1980, Đại sư Thiện Đạo tập ký: Nhược ngã thành Phật, thập phương chúng sanh, xưng ngã danh hiệu, ‘hạ chí thập thanh’, nhược bất sanh giả, bất thủ chánh giác. (若我成佛, 十方眾生, 稱我名號, 下至十聲, 若不生者, 不取正覺.) Văn của Nguyên thứ 18: Thiết ngã đắc Phật, thập phương chúng sanh, chí tâm tín lạc, dục sanh ngã quốc, ‘nãi chí thập niệm’; nhược bất sanh giả, bất thủ chánh giác, duy trừ ngũ nghịch, phi báng chánh pháp. (設我得佛, 十方眾生, 至心信樂, 欲生我國, 乃至十念; 若不生者, 不取正覺, 唯除五逆, 誹謗正法.) Vãng Sanh Lễ Tán Kệ: “Nay tin biết bản hồng thệ nguyện của Đức Phật A Di Đà và xưng niệm danh hiệu, tối thiểu (: hạ chí 下至) mười tiếng hay một tiếng, thì chắc chắn được vãng sanh, và dù chỉ (乃至 乃至) một niệm mà không có lòng nghi, nên gọi là thâm tâm.” (tr. 438c08) “Thế nào gọi là Hộ niệm? Nếu có chúng sanh xưng niệm A Di Đà Phật, hoặc bảy ngày và một ngày, hoặc tối thiểu là mười tiếng, tối thiểu một tiếng một niệm, thì ắt được vãng sanh. Chư Phật đều chứng thành sự kiện này, nên gọi là Hộ Niệm Kinh.” (tr. 448a07)

sanh. “Niệm” và “thanh” là cùng một ý nghĩa. Thanh không tách rời niệm, niệm không tách rời thanh. Nên biết như vậy.

[Kết]

Những tâm tư trong bài viết này không thể hiện hết được, vì vậy hãy hỏi những người hiểu rõ về giáo lý Tịnh độ. Chỗ thâm diệu của nó có thể suy lường theo cách này.

Nam mô A Di Đà Phật.

Lời cuối: Quần chúng nông thôn không hiểu nghĩa của văn tự, họ khiêm tốn và dốt nát lắm, nên tôi đã viết đi viết lại bài này nhiều lần để giúp cho họ dễ dàng đọc hiểu. Người có hiểu biết hẳn sẽ thấy buồn cười và chế giễu. Tuy nhiên, tôi không quan tâm đến những tiếng cười cợt, mà mong sao cho những người ngu tối nghe dễ, hiểu dễ mà ghi nhớ.

Chánh Gia nguyên niên, ngày 19 tháng 8 năm Đinh Tỵ (1257)

Ngu Ngốc Thân Loan

Viết lúc 85 tuổi